TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Kim Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. *(có mặt)*
2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Ấp 3, xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày: anh và chị T cưới nhau vào năm 2004, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2004 tại UBND xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2019 anh phát hiện chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng cãi vả nhau, không ai nhường nhịn ai dẫn đến mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị T cũng không có thiện chí hàn gắn với anh. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Ánh L, sinh ngày 01/10/2005 và Trần Quốc B, sinh ngày 19/7/2010 hiện đang sống với anh từ lúc vợ

chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, hiện tại anh có thu nhập và nơi sống ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung. Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn chị Bùi Thị T, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Bùi Thị T, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung: Anh Trần Văn Đ và chị Bùi Thị T cưới nhau vào năm 2004, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2004 tại UBND xã Long Đ, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo anh Đ trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hòa hợp, không tin tưởng và nhường nhịn nhau dẫn đến cãi vả, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T. Đối với chị T, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Đ.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh Đ và chị T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho anh Đ được ly hôn chị T.

[5]. Về nuôi con chung: anh Đ và chị T có 02 con chung tên Trần Thị Ánh L, sinh ngày 01/10/2005 và Trần Quốc B, sinh ngày 19/7/2010, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay 02 con chung sống với anh Đ đang có cuộc sống ổn định, anh Đ đủ điều kiện nuôi 02 con, nguyện vọng của 02 con cũng muốn sống với anh Đ nên anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp cần

chấp nhận. Do anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu chị T có căn cứ chứng minh anh Đ hạn chế quyền thăm nom con hoặc không đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[8]. Về án phí: anh Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Đ về việc ly hôn đối với chị Bùi Thị T.

Về hôn nhân: anh Trần Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về nuôi con chung: anh Đ được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Ánh L, sinh ngày 01/10/2005 và Trần Quốc B, sinh ngày 19/7/2010. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008779 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, anh Đ đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đực thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang